

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga
2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2022/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 43 LLQ, tổ dân phố 6, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Cao C, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Tạm trú: Ấp T, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố Phước Lộc, thị trấn Phước Bửu, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-8-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày:

Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật nên bà K và ông C không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ năm 2015 đến nay bà K và ông C không còn chung sống với nhau, không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà K xác định tình cảm vợ chồng với ông C không còn nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà K và ông C.

Về con chung: Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C có 05 con chung Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày 10/6/1992, Nguyễn Phan H, sinh ngày 06/6/1994, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04/8/1996, Nguyễn Phan T, sinh ngày 25/8/1998 và Nguyễn Phan Th, sinh ngày 23/8/2000. Hiện các con đã trưởng thành nên bà K không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án , bị đơn ông Nguyễn Cao C trình bày:

Ông Nguyễn Cao C và bà Phan Thị K chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật nên ông C và bà K không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2015 đến nay ông C và bà K không còn chung sống, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Nay ông C và bà K xác định tình cảm không còn, ông C cũng đồng ý đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà K.

Về con chung: Ông C và bà K có 05 con chung Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày 10/6/1992, Nguyễn Phan H, sinh ngày 06/6/1994, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04/8/1996, Nguyễn Phan T, sinh ngày 25/8/1998 và Nguyễn Phan Th, sinh ngày 23/8/2000. Hiện các con đã trưởng thành nên ông C không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà K, ông C vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà K, ông C, nội dung vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Toà án không công nhận vợ chồng giữa bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông C cư trú trên địa bàn huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà K, ông C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy, quan hệ giữa bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không có sự chia sẻ, thông cảm lẫn nhau. Từ năm 2015 đến nay bà K và ông C đã không còn chung sống với nhau, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C có 05 con chung Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày 10/6/1992, Nguyễn Phan H, sinh ngày 06/6/1994, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04/8/1996, Nguyễn Phan T, sinh ngày

25/8/1998 và Nguyễn Phan Th, sinh ngày 23/8/2000. Hiện các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C

2. Về nuôi con chung: Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C có 05 con chung Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày 10/6/1992, Nguyễn Phan H, sinh ngày 06/6/1994, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04/8/1996, Nguyễn Phan T, sinh ngày 25/8/1998 và Nguyễn Phan Th, sinh ngày 23/8/2000, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản: Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cao C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011317 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện X;
- Thi hành án dân sự huyện X;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

